

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0102340326

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 08 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 28 tháng 02 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUDLAND REAL ESTATE INVESTMENT
AND DEVELOPEMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HUDLAND, JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tầng 12, tòa nhà HUDLAND TOWER, lô ACC7, khu dịch vụ tổng hợp Linh Đàm,
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.36523862

Fax: 04.36523864

Email: hudland@hudland.com.vn

Website: hudland.com.vn

3. Vốn điều lệ: 315.999.610.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm mười lăm tỷ chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm
mười nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 31.599.961

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Họ và tên: PHẠM CAO SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày:

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030071000315

Ngày cấp: 01/10/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát Đăng ký Quản lý cư trú và
Diện quốc gia về dân cư

Địa chỉ hiện trú: Tập thể cư trú tại khu vực này dựng, Phường Phúc Xá, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 15/1 Paha Garden, Khu Đô thị Việt Hưng, Phường Việt Hưng, Quận
Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang



TRƯỞNG PHÒNG

Lê Văn Bình

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN
HUDLAND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2024

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc: Thông qua các nội dung trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường
niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển
Bất động sản HUDLAND

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội
chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội
chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất
động sản HUDLAND;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư và
Phát triển Bất động sản HUDLAND ngày 26 tháng 07 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ

**Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 (Bao gồm cả báo cáo
đánh giá của thành viên HĐQT độc lập).**

Các cổ đông tham dự đã biểu quyết tại Đại hội đồng ý thông qua nội dung báo cáo của
Hội đồng quản trị (Bao gồm cả báo cáo đánh giá của thành viên HĐQT độc lập) đã trình bày
trước Đại hội với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự tại Đại hội.

**Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty,
về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc năm 2023; Báo cáo tự đánh giá
kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS năm 2023.**

Các cổ đông tham dự đã biểu quyết tại Đại hội đồng ý thông qua nội dung báo cáo
của Ban kiểm soát đã trình bày trước Đại hội với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần của các cổ
đồng tham dự tại Đại hội.

**Điều 3. Thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023 và kế hoạch
SXKD năm 2024 của Công ty HUDLAND.**

Các cổ đông tham dự đã biểu quyết tại Đại hội đồng ý thông qua kết quả thực hiện
nhiệm vụ SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty HUDLAND với
tỷ lệ 100% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự tại Đại hội, các nội dung chính như
sau:

1. Thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2023, các chỉ tiêu chính như
sau:

- Đầu tư phát triển: 30,20 tỷ đồng (đạt 15% kế hoạch);
- Kinh doanh: 9,00 tỷ đồng (đạt 100% kế hoạch);
- Doanh thu: 13,50 tỷ đồng (đạt 73% kế hoạch);
- Lợi nhuận trước thuế: 3,96 tỷ đồng (đạt 106% kế hoạch)
- Lợi nhuận sau thuế: 3,30 tỷ đồng (đạt 110% kế hoạch);
- Nộp Ngân sách Nhà nước: 0,67 tỷ đồng (đạt 0,39% kế hoạch);
- Nguồn vốn chủ sở hữu: 424,83 tỷ đồng (đến 31/12/2023);

2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2024, các chỉ tiêu chính như sau:

- Đầu tư phát triển dự kiến: 506,80 tỷ đồng;
- Kinh doanh dự kiến: 13,20 tỷ đồng;
- Doanh thu dự kiến: 22,50 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế dự kiến: 4,04 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế dự kiến: 2,51 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách Nhà nước: 344,50 tỷ đồng;
- Dự kiến không chi trả cổ tức.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (Báo cáo kiểm toán số 105/2024/BCKT-CPAVIETNAM-NV3 ngày 22/03/2024)

Các cổ đông tham dự tại Đại hội đã biểu quyết đồng ý thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (Báo cáo kiểm toán số 105/2024/BCKT-CPAVIETNAM-NV3 ngày 22/03/2024) với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự tại Đại hội.

Điều 5. Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận 2023; Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Các cổ đông tham dự tại Đại hội đã biểu quyết đồng ý thông qua Phương án phân chia lợi nhuận 2023; Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự tại Đại hội, với nội dung như sau:

1. Phương án phân chia lợi nhuận 2023:

Stt	Các chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
I	Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối	144.006.552.477
1	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối lũy kế	140.924.457.653
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	3.082.094.824
II	Phân phối như sau:	
1	Trích lập quỹ thưởng người quản lý	300.000.000
2	Trích lập quỹ khen thưởng người lao động	252.000.000
3	Trích lập quỹ phúc lợi	395.700.000
4	Không thực hiện chia cổ tức năm tài chính 2023 bằng tiền	

Stt	Các chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
III	Lợi nhuận sau thuế lũy kế còn lại	143.058.852.477

2. Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

2.1. Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện năm 2023: 1.633,68 triệu đồng, trong đó:

- Số thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách: 05 người. Mức thù lao bình quân: 5,1 triệu đồng/người/tháng; Tổng quỹ thù lao: 306 triệu đồng.

- Số thành viên HĐQT, BKS chuyên trách: 03 người. Mức tiền lương 36,88 triệu đồng/tháng. Tổng tiền lương HĐQT: 1.327,68 triệu đồng.

2.2. Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát kế hoạch năm 2024: 1.302 triệu đồng, trong đó:

- Số thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách: 06 người. Mức thù lao bình quân: 6,75 triệu đồng/người/tháng.

- Số thành viên HĐQT, BKS chuyên trách: 02 người. Mức tiền lương bình quân: 34 triệu đồng/người/tháng.

Điều 6. Thông qua các nội dung Hội đồng quản trị đã thực hiện theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và chủ trương của Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định một số nội dung phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động SXKD giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024-2025

Các cổ đông tham dự tại Đại hội đã biểu quyết đồng ý thông qua các nội dung Hội đồng quản trị đã thực hiện theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và chủ trương của Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định một số nội dung phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động SXKD giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024-2025, với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự tại Đại hội, với các nội dung như sau:

6.1. Thông qua các nội dung HĐQT đã thực hiện theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023:

- Phê duyệt điều chỉnh các số liệu tài chính, báo cáo tài chính theo kết luận của các cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, quyết định của Đại hội đồng cổ đông (nếu có): không thực hiện do không phát sinh.

- Đối với Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương: giao Hội đồng quản trị quyết định dự án đầu tư điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả không thấp hơn hiệu quả dự án đã được phê duyệt: Công ty đã lập dự án điều chỉnh nhưng chưa phê duyệt.

- Đối với các dự án thành phần công trình trên đất thuộc Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh huyện Bình

340
NG
PH
V&PH
ĐQH
ĐQL
MA
19

Giang, tỉnh Hải Dương; Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái: giao Hội đồng quản trị quyết định dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả vào kỳ đại hội gần nhất; Hội đồng quản trị đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quyết định số 1200/QĐ-HĐQT ngày 07/7/2023 và đang triển khai hợp đồng tín dụng cho dự án. Đối với dự án thành phần công trình trên đất thuộc Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương: chưa thực hiện.

- Đối với phát triển dự án mới: chấp thuận để Hội đồng quản trị nghiên cứu, tìm kiếm thông tin và quyết định tham gia quá trình lựa chọn Nhà đầu tư (như: đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án, đấu giá quyền sử dụng đất... và các hình thức lựa chọn Nhà đầu tư khác), liên doanh, hợp tác, nhận chuyển nhượng dự án, góp vốn thành lập doanh nghiệp thực hiện dự án, nhận chuyển nhượng cổ phần/vốn góp của doanh nghiệp dự án nhằm triển khai dự án đầu tư mới đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn: chưa thực hiện do không phát sinh.

- Đối với quyết toán vốn đầu tư dự án: giao Hội đồng quản trị phê duyệt quyết toán dự án đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quyết định đầu tư: chưa thực hiện do không phát sinh.

6.2. Thông qua chủ trương việc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định một số nội dung phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động SXKD giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024-2025, các nội dung sau:

- Phê duyệt điều chỉnh các số liệu tài chính, báo cáo tài chính theo yêu cầu của cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, quyết định của Đại hội đồng cổ đông (nếu có), báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả vào kỳ đại hội gần nhất.

- Đối với phát triển dự án mới: chấp thuận để Hội đồng quản trị nghiên cứu, tìm kiếm thông tin và quyết định tham gia đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đấu giá quyền sử dụng đất, liên danh, hợp tác, nhận chuyển nhượng dự án, góp vốn thành lập doanh nghiệp thực hiện dự án, nhận chuyển nhượng cổ phần/vốn góp của doanh nghiệp dự án nhằm triển khai dự án đầu tư mới đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả vào kỳ đại hội gần nhất.

- Đối với quyết toán vốn đầu tư dự án: giao Hội đồng quản trị phê duyệt quyết toán dự án đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quyết định đầu tư, báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả vào kỳ đại hội gần nhất.

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ năm 2024.

Các cổ đông đã biểu quyết đồng ý thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị của Công ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán có đủ năng lực theo quy định của Pháp luật thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty, báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả vào kỳ đại hội gần nhất với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự tại Đại hội.

Điều 8. Thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ công ty.

Các cổ đông tham dự đã biểu quyết tại Đại hội đồng ý thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ Công ty thông qua phát hành cổ phiếu với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự tại Đại hội, với các nội dung như sau:

- Mức vốn điều lệ hiện tại: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
- Mức vốn điều lệ sau khi tăng: 550.000.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tỷ đồng).
- Mục đích: Nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo vốn đáp ứng nhu cầu cấp thiết cho sản xuất kinh doanh.
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn Chủ sở hữu và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Trình tự thủ tục thực hiện: Theo đúng quy định hiện hành.
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2024-2025

Giao Hội đồng quản trị Công ty: lập phương án tăng vốn và thực hiện các hồ sơ, thủ tục cần thiết trình phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ theo đúng các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định liên quan.

Điều 9. Thông qua sửa đổi ngành nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty.

Các cổ đông tham dự đã biểu quyết tại Đại hội đồng ý thông qua sửa đổi ngành nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty theo Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự tại Đại hội.

Điều 10. Thông qua chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang.

Các cổ đông tham dự đã biểu quyết tại Đại hội đồng ý thông qua chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh, huyện Bình Giang theo Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự tại Đại hội.

Điều 11. Thông qua chủ trương chuyển nhượng quyền sử dụng đất/chuyển nhượng một phần dự án khoảng 30% diện tích đất thương phẩm của Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương khi đủ điều kiện kinh doanh cho Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị.

Các cổ đông tham dự (không bao gồm cổ đông Tổng công ty HUD) đã biểu quyết tại Đại hội đồng ý thông qua chủ trương chuyển nhượng quyền sử dụng đất/chuyển nhượng một phần dự án khoảng 30% diện tích đất thương phẩm của Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương khi đủ điều kiện kinh doanh cho Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị - Công ty trách nhiệm hữu hạn với giá chuyển nhượng bằng giá vốn, giá trị chuyển nhượng tối thiểu 800 tỷ đồng và thống nhất loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị - Công ty trách nhiệm hữu hạn trong trường hợp cam kết này không được thực hiện, với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự tại Đại hội (không bao gồm cổ đông Tổng công ty HUD).

Điều 12. Thông qua phương án giao dịch vay vốn có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản Công ty đối với cổ đông sở hữu hoặc người có liên quan (kèm theo dự thảo hợp đồng).

Các cổ đông tham dự đã biểu quyết tại Đại hội đồng ý thông qua phương án giao dịch vay vốn có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản Công ty đối với cổ đông sở hữu hoặc người có liên quan (kèm theo dự thảo hợp đồng) với tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự tại Đại hội với nội dung chính như sau:

1. Đối tượng: cổ đông hiện hữu hoặc người có liên quan theo quy định.
 2. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, nộp tiền sử dụng đất vào Ngân sách nhà nước.
 3. Hình thức bảo lãnh: Tín chấp
 4. Giá trị vay: dự kiến 379 tỷ đồng.
 5. Lãi suất: Theo chính sách lãi suất áp dụng chung cho tất cả các đối tượng.
- Bên cho vay chịu thuế TNCN theo quy định hiện hành (nếu có).
6. Thời hạn vay: 1 năm/2 năm/3 năm/4 năm
 7. Tổ chức thực hiện: Giao HĐQT loại bỏ phiếu của người có liên quan ra khỏi kết quả bỏ phiếu khi giao dịch vay vốn có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản Công ty đối với cổ đông sở hữu hoặc người có liên quan. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện huy động vốn, quyết định các vấn đề liên quan khác đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty và theo đúng các nội dung trên.

Điều 13. Điều khoản thi hành.

Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và toàn thể Cổ đông của Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND và các quy định của Pháp luật hiện hành.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Chủ tọa/Chủ tịch HĐQT



Phạm Cao Sơn

Nơi nhận

- Như điều 13;
- UBCK, TTLCKK;
- Lưu VP, HĐQT.



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Cao Sơn

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(Thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 16/07/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông số 1670 /BBKP-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án phát hành/chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty tại Tờ trình số 1568/TTr-HĐQT ngày 30/09/2024 của Hội đồng quản trị Công ty với các nội dung chính như sau:

1.1 Phương án phát hành/chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ:

Vốn điều lệ hiện tại	: 200.000.000.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 20.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	: 35.000.000 cổ phiếu
Trong đó:	
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	: 11.600.000 cổ phiếu
Chào bán cổ phiếu theo hình thức phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu (thực hiện sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu)	: 23.400.000 cổ phiếu
Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành	: 550.000.000.000 đồng

Số lượng cổ phiếu phát hành thêm và vốn điều lệ thực tế của Công ty sau phát hành có thể thay đổi tùy thuộc vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm, do xử lý cổ phiếu lẻ và kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Chi tiết phương án phát hành/chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm Tờ trình số 1568/TTr-HĐQT ngày 30/09/2024.

1.2 Triển khai thực hiện:

Giao/Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:

- Quyết định các nội dung chi tiết của Phương án phát hành/chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và lựa chọn thời điểm phát hành/chào bán cổ phiếu phù hợp với tình hình thực tế;
- Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành/chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết nội dung của Phương án phát hành/chào bán cổ phiếu theo đề nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần);
- Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết trong quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành/chào bán theo quy định của pháp luật, bao gồm: (i) thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty; (ii) đăng ký, lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm của Công ty tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; (iii) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được đăng ký niêm yết; (iv) thay đổi Vốn điều lệ của Công ty, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức Vốn điều lệ và các điều khoản có liên quan khác trong Điều lệ của Công ty phù hợp với mức Vốn điều lệ mới sau đợt phát hành và (v) các thủ tục khác theo quy định pháp luật hiện hành;
- Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết khác (nếu phát sinh) để hoàn tất việc chào bán/phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành đã được ĐHĐCD thông qua.

Điều 2. Điều khoản thi hành:

Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể Cổ đông của Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này phù hợp với quy định của điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND và các quy định của Pháp luật hiện hành.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- VP Công ty
- Lưu HĐQT, KTE.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Phạm Cao Sơn

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2024

SAO Y BẢN CHÍNH

Số 1568 /TTr-HĐQT

Ngày 31 tháng 09 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua phương án phát hành/chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND.

Trên cơ sở chủ trương tăng vốn điều lệ của đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển bất động sản HUDLAND ("HUDLAND") kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua phương án phát hành/chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của HUDLAND như sau:

I. Sự cần thiết của việc tăng vốn điều lệ

- Nâng cao năng lực tài chính của Công ty, qua đó đáp ứng được các điều kiện tham gia và gia tăng khả năng trúng thầu các dự án trong tương lai;
- Cải thiện các chỉ tiêu tài chính, qua đó tăng mức xếp hạng tín nhiệm, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình đàm phán vay vốn của Công ty và các Ngân hàng;
- Bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

II. Phương án phát hành/chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ hiện tại	: 200.000.000.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 20.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/chào bán	: 35.000.000 cổ phiếu

Trong đó:

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn : 11.600.000 cổ phiếu
vốn chủ sở hữu



Chào bán cổ phiếu theo hình thức phát hành : 23.400.000 cổ phiếu
quyền mua cho cổ đông hiện hữu (thực hiện sau
khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ
phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành/chào bán : 550.000.000.000 đồng

Số lượng cổ phiếu phát hành/chào bán thêm và vốn điều lệ thực tế của Công ty sau phát hành/chào bán có thể thay đổi tùy thuộc vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ phiếu phát hành/chào bán thêm, do xử lý cổ phiếu lẻ và kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Chi tiết phương án phát hành/chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm Tờ trình này.

III. Triển khai thực hiện

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- 1.1. Thông qua Phương án phát hành/chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty được nêu tại Mục I, mục II và Phụ lục 1 của Tờ trình này.
- 1.2. Giao/Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:
 - Quyết định các nội dung chi tiết của Phương án phát hành/chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và lựa chọn thời điểm phát hành/chào bán cổ phiếu phù hợp với tình hình thực tế;
 - Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành/chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
 - Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết nội dung của Phương án phát hành/chào bán cổ phiếu theo đề nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần);
 - Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết trong quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành/chào bán theo quy định của pháp luật, bao gồm: (i) thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty; (ii) đăng ký, lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm của Công ty tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; (iii) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được đăng ký niêm yết; (iv) thay đổi Vốn điều lệ của Công ty, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức Vốn điều lệ và các điều khoản có liên quan khác trong Điều lệ của Công ty phù hợp với mức Vốn điều lệ mới sau đợt phát hành/chào bán và (v) các thủ tục khác theo quy định pháp luật hiện hành;
 - Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết khác (nếu phát sinh) để hoàn tất việc chào bán/phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành/chào bán đã được ĐHDCĐ thông qua.

2. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty để thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

Trên đây là các nội dung về phương án phát hành/chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM-HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Phạm Cao Sơn



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Cao Sơn



**PHỤ LỤC 1: CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH/CHÀO BÁN CỔ PHIẾU
ĐỀ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

*(kèm theo Tờ trình số: 1568/TTr-HĐQT ngày 30/09/2024 của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển bất động sản HUDLAND)*

1. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Tổ chức phát hành	:	Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển bất động sản Hudland
Tên cổ phiếu phát hành	:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển bất động sản Hudland
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 VND/cổ phiếu
Vốn điều lệ hiện tại	:	200.000.000.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	20.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	20.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	:	Tối đa 13.600.000 cổ phiếu (tương đương 58% số lượng cổ phiếu đang lưu hành). Tỷ lệ phát hành: 58% <i>Ghi chú: Số lượng cổ phiếu phát hành thực tế có thể thay đổi do xử lý cổ phiếu lẻ và tùy thuộc vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm</i>
Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá	:	Tối đa 136.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm三十六 tỷ đồng)
Nguồn vốn thực hiện	:	Từ Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán
Mục đích phát hành	:	Bổ sung nguồn vốn phục vụ kinh doanh của Công ty
Đối tượng nhận cổ phiếu	:	Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu

Tỷ lệ thực hiện quyền : 100:58 (tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 58 cổ phiếu mới phát hành theo phương thức phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu)

Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ : Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 111 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền. Với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:58 thì cổ đông A nhận được là $111/100 \times 58 = 64,38$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, cổ đông A được nhận thêm 64 cổ phiếu mới theo phương thức phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Số cổ phiếu lẻ 0,38 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.

Thời gian dự kiến phát hành : Sau khi UBCKNN thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, dự kiến trong năm 2024 hoặc thời gian khác theo quyết định của HĐQT

Đăng ký và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm : Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng công ty Lưu ký và Bảo trữ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung với Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được đăng ký niêm yết sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định.

2. Phương án chào bán cổ phiếu chào bán cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu

2.1. Phương án chào bán cổ phiếu chào bán cổ phiếu ra công chúng

Tổ chức phát hành : Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển bất động sản Hudland

Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển bất động sản Hudland

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 VND/cổ phiếu

Hình thức chào bán : Chào bán cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu

- Số lượng cổ phiếu chào bán : 23.400.000 cổ phiếu bán
- Giá chào bán : 10.000 VND/cổ phần
- Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá : 234.000.000.000 đồng
- Đối tượng chào bán : Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện quyền : Dự kiến 100:74 (Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền được mua 74 cổ phiếu)
 Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 111 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền. Với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:74; số lượng cổ phiếu cổ đông A được quyền mua thêm trong đợt chào bán này là: $(111 \times 74) / 100 = 82,14$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị thì số lượng cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 82 cổ phiếu.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tính toán và quyết định tỷ lệ thực hiện quyền cụ thể theo số lượng cổ phiếu thực tế lưu hành sau khi Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án được nêu tại Mục 1 Phụ lục này.
- Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ : Số lượng cổ phiếu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống sẽ được cộng dồn vào số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết để xử lý.
- Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông sở hữu quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng lại cho người thứ ba).
- Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có) : - Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sau khi chào bán cho cổ đông hiện hữu gồm: (i) Số cổ phiếu còn lại do cổ đông và/hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua không mua/không mua hết số cổ phiếu được mua, đã đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua cổ phiếu theo đúng thời hạn và/hoặc do các nguyên nhân khác; (ii) Số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông

hiện hữu.

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết nêu trên cho Nhà đầu tư khác (có thể bao gồm các cổ đông hiện hữu, người lao động của Công ty) theo nguyên tắc đảm bảo các điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Trường hợp chào bán cho cổ đông khác hoặc nhà đầu tư khác mà vẫn không phân phối hết cổ cổ phiếu đăng ký chào bán thì thực hiện tăng vốn điều lệ theo số cổ phiếu chào bán thành công.

Hạn chế chuyển nhượng

- Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu mà cổ đông và/hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua không mua hết được chào bán cho cổ đông khác hoặc nhà đầu tư mới sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

Đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định của pháp luật.

Thời gian dự kiến chào bán

Sau khi Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Phương án tại Mục 1 của Phụ lục này.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian chào bán cụ thể trên cơ sở phù hợp với tình hình thị trường và nhu cầu sử dụng vốn của Công ty

Lưu ký và niêm yết bổ sung

Toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán thành công sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung với Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được đăng ký niêm yết sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định.

2.2. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

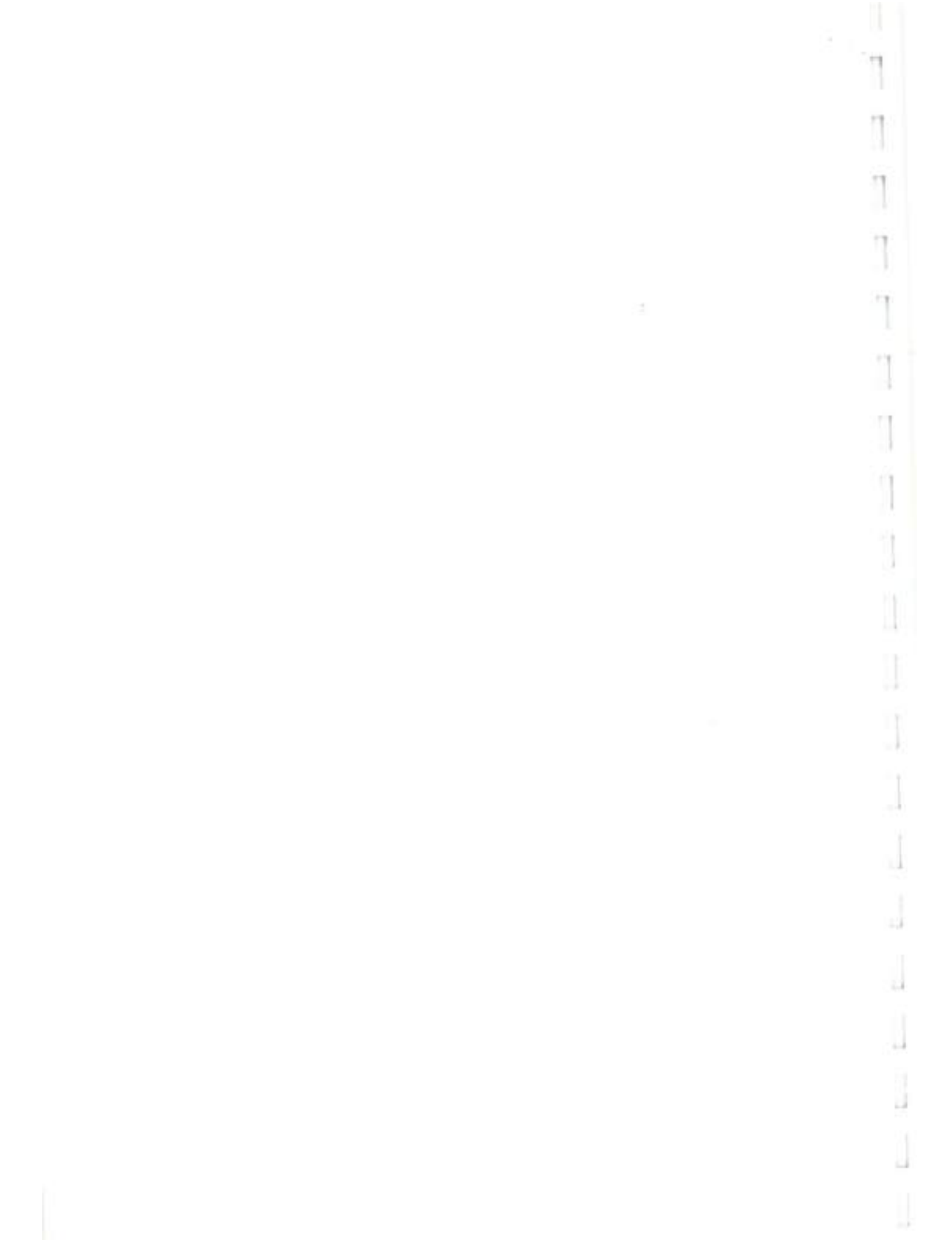
- Tỷ lệ chào bán thành công: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm đăng ký chào bán.
- Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, dự kiến như sau:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục đích sử dụng vốn	Bổ sung vốn lưu động		DA Bình Giang _ Hải Dương		DA Đồng Tâm _ Yên Bái		Dự án đầu tư mới		Tổng cộng
		Số tiền phân bổ	Thời gian dự kiến sử dụng	Số tiền phân bổ	Thời gian dự kiến sử dụng	Số tiền phân bổ	Thời gian dự kiến sử dụng	Số tiền phân bổ	Thời gian dự kiến sử dụng	
1	Chi phí quản lý chung (lương; BHXH; chi phí văn phòng...)	12.000	2025							12.000
2	Sửa chữa lớn tòa nhà CC7 (sửa chữa thang máy, hệ thống điều hòa...)	5.000	2025							5.000
3	Tiền giải phóng mặt bằng			9.600	2025	8.000		10.000	2025	27.600
4	Tiền sử dụng đất			114.300	2025	9.000	2025			123.300
5	Chi phí xây dựng + Thiết bị			54.600	2025	5.000				59.600
6	Chi phí quản lý dự án				2025					-
7	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			1.000	2025					1.000
8	Chi phí khác			500	2025					500
9	Chi phí lãi vay (lãi nhập gốc đến khi KD)									-
10	Chi phí dự phòng			5.000	2025					5.000
	Tổng cộng	17.000	-	185.000	-	22.000	-	10.000	-	234.000

Trong quá trình thực hiện, ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công ty HUDLAND để điều chỉnh phương án sử dụng vốn nêu trên một cách linh hoạt và hiệu quả đảm bảo tối đa hóa lợi ích cho Công ty và các cổ đông; Báo cáo ĐHĐCĐ kỳ gần nhất về những điều chỉnh/ thay đổi liên quan đến phương án sử dụng vốn này.

Ngoài ra, trường hợp số thu được từ đợt chào bán không đạt giá trị như dự kiến, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để bù đắp nguồn vốn thiếu hụt phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Ủy quyền cho HĐQT căn cứ tình hình thực tế quyết định phương án phù hợp./.



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
(Thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 16/07/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14/10/2024 (thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản);
- Tờ trình số 259/TTr-HĐQT ngày 13/02/2025 về việc sửa đổi Phương án chào bán/phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông số 292/BBKP-DHĐCĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán liên quan đến đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tại Mục 2.2 Phụ lục 1 Tờ trình số 1568/TTr-HĐQT ngày 30/09/2024 của Hội đồng quản trị Công ty (đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 14/10/2024) với các nội dung cụ thể như sau:

“2.2. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

- Tỷ lệ chào bán thành công:** Không áp dụng.
- Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán (dự kiến là 234.000.000.000 đồng) sẽ được sử dụng để thanh toán khoản nợ thuế phải nộp Nhà nước, dự kiến là khoản tiền sử



dụng đất/tiền thuê đất phải nộp của Công ty liên quan đến Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, Huyện Bình Giang, Hải Dương.

- (c) Trường hợp đến hết ngày 30/05/2025 mà Công ty chưa hoàn tất đợt chào bán hoặc chưa hoàn tất các thủ tục để chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán, HĐQT Công ty có thể huy động vốn vay Ngân hàng hoặc vay từ các tổ chức/cá nhân khác (gọi chung là "**Khoản Vay**") để thanh toán trước khoản nợ thuế phải nộp Nhà nước nêu tại Mục (b). Sau đó, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để thanh toán gốc và/hoặc lãi của Khoản Vay; các khoản nợ thuế còn lại (nếu có) hoặc các khoản thuế chậm nộp (nếu phát sinh). ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ tình hình thực tế, quyết định chi tiết của phương án sử dụng vốn, điều chỉnh phương án sử dụng vốn nêu trên một cách linh hoạt và hiệu quả đảm bảo tối đa hóa lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ kỳ gần nhất về những điều chỉnh/thay đổi liên quan đến phương án sử dụng vốn này.

- (d) **Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán:** Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đạt giá trị như dự kiến, Công ty sẽ huy động bổ sung các nguồn vốn khác để thanh toán khoản nợ thuế phải nộp Nhà nước hoặc Khoản Vay nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn các nguồn vốn sau: Vay vốn từ các tổ chức, cá nhân, Phát hành Trái phiếu và Các nguồn vốn khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Các nội dung khác liên quan đến Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng được nêu tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14/10/2024 và Tờ trình số 1568/TTr-HĐQT ngày 30/09/2024 của Hội đồng quản trị Công ty **giữ nguyên không thay đổi**.

Điều 3. Triển khai thực hiện:

Giao/Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:

- 3.1 Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh Tỷ lệ chào bán thành công và Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán (nếu cần) theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm đăng ký chào bán.
- 3.2 Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết nội dung của Phương án phát hành/chào bán cổ phiếu theo đề nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần);
- 3.3 Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết khác (nếu phát sinh) để hoàn tất việc chào bán/phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể Cổ đông của Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này phù hợp với quy định của điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND và các quy định của Pháp luật hiện hành.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- VP Công ty
- Lưu HĐQT, KTE.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG,
CHỦ TỊCH HĐQT



[Signature]
Phạm Cao Sơn



**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND**

Số: 259 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

*V/v sửa đổi Phương án chào bán/phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hudland*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14/10/2024 (thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển bất động sản HUDLAND (“HĐQT Công ty”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét, thông qua sửa đổi Phương án chào bán/phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hudland đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua ngày 14/10/2024 với các nội dung như sau:

- I. Thông qua việc sửa đổi Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán liên quan đến đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tại Mục 2.2 Phụ lục 1 Tờ trình số 1568/TTr-HĐQT ngày 30/09/2024 của HĐQT Công ty (đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua ngày 14/10/2024) với các nội dung cụ thể như sau:



STT	Nội dung tại Mục 2.2 Phụ lục 1 Tờ trình số 1568/TTr-HDQT ngày 30/09/2024 của HĐQT Công ty	Nội dung sửa đổi
1	Tỷ lệ chào bán thành công: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm đăng ký chào bán.	Tỷ lệ chào bán thành công: Không áp dụng.
2	Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, dự kiến như sau:	- Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán (dự kiến là 234.000.000.000 đồng) sẽ được sử dụng để thanh toán khoản nợ thuế phải nộp Nhà nước, dự kiến là khoản tiền sử dụng đất/tiền thuê đất phải nộp của Công ty liên quan đến Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, Huyện Bình Giang, Hải Dương. - Trường hợp đến hết ngày 30/05/2025 mà Công ty chưa hoàn tất đợt chào bán hoặc chưa hoàn tất các thủ tục để chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán, HĐQT Công ty có thể huy động vốn vay Ngân hàng hoặc vay từ các tổ chức/cá nhân khác (gọi chung là “Khoản Vay”) để thanh toán trước khoản nợ thuế phải nộp Nhà nước nêu tại Mục (b). Sau đó, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để thanh toán gốc và/hoặc lãi của Khoản Vay; các khoản nợ thuế còn lại (nếu có) hoặc các khoản thuế chậm nộp (nếu phát sinh). ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ tình hình thực tế, quyết định chi tiết của phương án sử dụng vốn, điều chỉnh phương án sử dụng vốn nêu trên một cách linh hoạt và hiệu quả đảm bảo tối đa hóa lợi ích cho Công ty và các cổ đông. HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ kỳ gần nhất về những điều chỉnh/thay đổi liên quan đến phương án sử dụng vốn này.
3	Ngoài ra, trường hợp số thu được từ đợt chào bán không đạt giá trị như dự kiến, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để bù đắp nguồn vốn thiếu hụt phục	Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đạt giá trị như dự kiến, Công ty sẽ huy động bổ sung các nguồn vốn khác để thanh toán khoản nợ thuế phải nộp Nhà nước hoặc Khoản Vay nêu trên,

STT	Nội dung tại Mục 2.2 Phụ lục 1 Tờ trình số 1568/TTr-HĐQT ngày 30/09/2024 của HĐQT Công ty	Nội dung sửa đổi
	vụ cho hoạt động kinh doanh. Ủy quyền cho HĐQT căn cứ tình hình thực tế quyết định phương án phù hợp.	bao gồm nhưng không giới hạn các nguồn vốn sau: Vay vốn từ các tổ chức, cá nhân, Phát hành Trái phiếu và Các nguồn vốn khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

Các nội dung khác liên quan đến Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng được nêu tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14/10/2024 và Tờ trình số 1568/TTr-HĐQT ngày 30/09/2024 của Hội đồng quản trị Công ty **giữ nguyên không thay đổi**.

(Chi tiết Phương án phát hành/chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm Tờ trình này.)

II. Triển khai thực hiện

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Giao/Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:
 - Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh Tỷ lệ chào bán thành công và Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán (nếu cần) theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm đăng ký chào bán.
 - Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết nội dung của Phương án phát hành/chào bán cổ phiếu theo đề nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần);
 - Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết khác (nếu phát sinh) để hoàn tất việc chào bán/phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty để thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

Trên đây là các nội dung về việc sửa đổi phương án phát hành/chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn! 

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
 Chủ tịch

 Phạm Cao Sơn

**PHỤ LỤC 01: CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH/CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐỂ
TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ (sau sửa đổi)**

1. **Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu**
Không thay đổi. Công ty đã hoàn tất đợt phát hành vào ngày 17/12/2024.
 2. **Phương án chào bán cổ phiếu chào bán cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu**
- 2.1. Phương án chào bán cổ phiếu chào bán cổ phiếu ra công chúng**

Tổ chức phát hành	: Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển bất động sản Hudland
Tên cổ phiếu phát hành	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển bất động sản Hudland
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 VND/cổ phiếu
Hình thức chào bán	: Chào bán cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu
Số lượng cổ phiếu chào bán	: 23.400.000 cổ phiếu
Giá chào bán	: 10.000 VND/cổ phần
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	: 234.000.000.000 đồng
Đối tượng chào bán	: Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu
Tỷ lệ thực hiện quyền	: Dự kiến 100:74 (Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền được mua 74 cổ phiếu) <i>Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 111 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền. Với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:74; số lượng cổ phiếu cổ đông A được quyền mua thêm trong đợt chào bán này là: $(111 \times 74) / 100 = 82,14$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị thì số lượng cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 82 cổ phiếu.</i> Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tính toán và quyết định tỷ lệ thực hiện quyền cụ thể theo số lượng cổ phiếu thực tế lưu hành sau khi Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án được nêu tại Mục 1 Phụ lục này.

Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ : Số lượng cổ phiếu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống sẽ được cộng dồn vào số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết để xử lý.

Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông sở hữu quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng lại cho người thứ ba).

Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có) : - Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sau khi chào bán cho cổ đông hiện hữu gồm: (i) Số cổ phiếu còn lại do cổ đông và/hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua không mua/không mua hết số cổ phiếu được mua, đã đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua cổ phiếu theo đúng thời hạn và/hoặc do các nguyên nhân khác; (ii) Số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu.

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết nêu trên cho Nhà đầu tư khác (có thể bao gồm các cổ đông hiện hữu, người lao động của Công ty) theo nguyên tắc đảm bảo các điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu.

- Trường hợp chào bán cho cổ đông khác hoặc nhà đầu tư khác mà vẫn không phân phối hết cổ phiếu đăng ký chào bán thì thực hiện tăng vốn điều lệ theo số cổ phiếu chào bán thành công.

Hạn chế chuyển nhượng : - Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu mà cổ đông và/hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua không mua hết được chào bán cho cổ đông khác hoặc nhà đầu tư mới sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

Đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài : Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng

quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định của pháp luật.

Thời gian dự kiến chào bán : Sau khi Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Phương án tại Mục 1 của Phụ lục này.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian chào bán cụ thể trên cơ sở phù hợp với tình hình thị trường và nhu cầu sử dụng vốn của Công ty

Lưu ký và niêm yết bổ sung : Toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán thành công sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung với Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được đăng ký niêm yết sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định.

2.2. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

- (a) **Tỷ lệ chào bán thành công:** Không áp dụng.
- (b) Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán (**dự kiến là 234.000.000.000 đồng**) sẽ được sử dụng để thanh toán khoản nợ thuế phải nộp Nhà nước, dự kiến là khoản tiền sử dụng đất/tiền thuê đất phải nộp của Công ty liên quan đến Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, Huyện Bình Giang, Hải Dương.
- (c) Trường hợp đến hết ngày 30/05/2025 mà Công ty chưa hoàn tất đợt chào bán hoặc chưa hoàn tất các thủ tục để chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán, HĐQT Công ty có thể huy động vốn vay Ngân hàng hoặc vay từ các tổ chức/cá nhân khác (gọi chung là “Khoản Vay”) để thanh toán trước khoản nợ thuế phải nộp Nhà nước nêu tại Mục (b). Sau đó, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để thanh toán gốc và/hoặc lãi của Khoản Vay; các khoản nợ thuế còn lại (nếu có) hoặc các khoản thuế chậm nộp (nếu phát sinh). ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ tình hình thực tế, quyết định chi tiết của phương án sử dụng vốn, điều chỉnh phương án sử dụng vốn nêu trên một cách linh hoạt và hiệu quả đảm bảo tối đa hóa lợi ích cho Công ty và các cổ đông.
- HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ kỹ gần nhất về những điều chỉnh/thay đổi liên quan đến phương án sử dụng vốn này.
- (d) **Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán:** Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đạt giá trị như dự kiến, Công ty sẽ huy động bổ sung các nguồn vốn khác để thanh toán khoản nợ thuế phải nộp Nhà nước hoặc Khoản Vay nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn các nguồn vốn sau: Vay vốn từ các tổ chức, cá nhân, Phát hành Trái phiếu và Các nguồn vốn khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty./.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN

HUDLAND

Số: 303 /NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

*V/v: thông qua triển khai phương án chào bán thêm cổ
phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND ngày 14/10/2024 ("Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 14/10/2024");
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND ngày 25/02/2025 ("Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 25/02/2025");
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2079/NQ-HĐQT ngày 17/12/2025 thông qua việc triển khai chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ;
- Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND số 2078/BB/HĐQT ngày 17/12/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc triển khai chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ HUDLAND theo Phương án được Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 14/10/2024 và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 25/02/2025 (Chi tiết Phương án chào bán được nêu tại Phụ lục 1).

Điều 2. Thông qua việc đăng ký bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và niêm yết bổ sung tại Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán thành công. Hội đồng quản trị Công ty cam kết sẽ triển khai các thủ tục đăng ký và niêm yết nêu trên theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao/Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị (Người đại diện theo pháp luật của Công ty) hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triển khai các công việc sau đây:

- 3.1 Quyết định/phê duyệt các vấn đề có liên quan đến đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty; Tổ chức thực hiện những công việc cần thiết, ký tất cả các hồ sơ/văn kiện/tài liệu, cùng với những sửa đổi, bổ sung, thay thế có liên quan đến hồ sơ chào bán (nếu có và/hoặc trong trường hợp cần thiết) để triển khai Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành và yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 3.2 Căn cứ kết quả chào bán cổ phiếu thực tế, thực hiện các công việc cần thiết và ký các văn bản/hồ sơ có liên quan để hoàn thiện thủ tục tăng vốn điều lệ của Công ty theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn trong các thủ tục sau: (i) Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty; (iii) đăng ký, lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm của Công ty tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC); (iv) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; (v) thay đổi Vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức Vốn điều lệ và các điều khoản có liên quan trong Điều lệ của Công ty phù hợp với mức Vốn điều lệ mới sau đợt phát hành; và (vi) các thủ tục khác theo quy định pháp luật hiện hành;
- 3.3 Thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết khác và ký các văn bản có liên quan khác (nếu phát sinh) để hoàn tất việc chào bán cổ phiếu theo Phương án đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị của Công ty phê duyệt.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2079/NQ-HĐQT ngày 17/12/2024 thông qua việc triển khai chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty và các Phòng/Ban liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này./. *ts*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- BKS;
- Lưu VP HĐQT.

ts **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
CHỦ TỊCH

Phạm Cao Sơn

PHỤ LỤC 1:

CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

1. Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 31.599.961 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chào bán	: 23.400.000 cổ phiếu
Giá chào bán	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Đối tượng chào bán	: Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu
Hình thức chào bán	: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu
Tỷ lệ thực hiện quyền	: 100:74 (Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền được mua 74 cổ phiếu)
Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ	: Số lượng cổ phiếu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống sẽ được cộng dồn vào số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết để xử lý. <i>Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 111 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền. Với tỷ lệ thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A được quyền mua thêm $(111 \times 74)/100 = 82,14$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị thì số lượng cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 82 cổ phiếu.</i>
Chuyển nhượng	: Cổ đông sở hữu quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy

quyền mua

định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng lại cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền chuyển nhượng và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng quyền mua.

Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có)

- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sau khi chào bán cho cổ đông hiện hữu gồm: (i) Số cổ phiếu còn lại do cổ đông và/hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua không mua/không mua hết số cổ phiếu được mua, đã đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua cổ phiếu theo đúng thời hạn và/hoặc do các nguyên nhân khác; (ii) Số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu.
- Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty sẽ tiếp tục chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết nêu trên cho các nhà đầu tư khác (bao gồm cả các cổ đông hiện hữu, người lao động của Công ty) với các điều kiện, phương thức và giá chào bán không ưu đãi hơn so với cổ đông hiện hữu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020. Giá chào bán cho cổ đông khác hoặc nhà đầu tư mới không thấp hơn mức giá đã chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu).
- Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư để phân phối số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết như sau:
 - Các Nhà đầu tư bày tỏ thiện chí hợp tác trong quá trình đàm phán việc mua bán cổ phiếu, đồng thời có năng lực tài chính, đảm bảo sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo quy định;
 - Các Nhà đầu tư có chiến lược và văn hóa kinh doanh phù hợp, không có xung đột về lợi ích với chiến lược phát triển của Công ty;
 - Ưu tiên cổ đông hiện hữu của HUDLAND và/hoặc người lao động của Công ty.
 - Đảm bảo tuân thủ các quy định tại Khoản 2 và

Khoản 3 Điều 195 Luật Doanh nghiệp.

- Các tiêu chí khác (nếu có) mà HĐQT Công ty thấy cần thiết.
- Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có) mà Công ty chưa thực hiện phân phối hết số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành, Hội đồng quản trị Công ty sẽ thực hiện báo cáo kết quả chào bán theo số lượng cổ phiếu thực tế đã phân phối.

Tỷ lệ chào bán thành công : Không áp dụng công

- Hạn chế chuyển nhượng :
- Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền không bị hạn chế chuyển nhượng.
 - Số cổ phiếu lẻ và Số cổ phiếu còn lại do cổ đông và/hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua không mua/không mua hết số cổ phiếu được mua, đã đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua cổ phiếu và/hoặc do các nguyên nhân khác được HĐQT Công ty chào bán cho nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Thời gian chào bán : Dự kiến trong năm 2025, sau khi HUDLAND được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

2. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

- 2.1. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán (dự kiến là 234.000.000.000 đồng) sẽ được sử dụng để thanh toán khoản nợ thuế phải nộp Nhà nước theo phương án như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền dự kiến (triệu đồng)	Thời gian dự kiến
1	Thanh toán tiền sử dụng đất phải nộp của Công ty liên quan đến Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, Huyện Bình Giang, Hải Dương theo Thông	234.000	Trong tháng 04/2025 – tháng 05/2024

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền dự kiến (triệu đồng)	Thời gian dự kiến
	báo số 2016/TB-CTHDU ngày 05/03/2024 và Thông báo số 7036/TB-CTHDU ngày 09/08/2024 của Cục thuế tỉnh Hải Dương; Quyết định số 8316/QĐ-CCTKV ngày 30/12/2024 của Chi cục thuế Khu vực Cẩm Bình – Hải Dương		

- 2.2. Trường hợp đến hết ngày 30/05/2025 mà Công ty chưa hoàn tất đợt chào bán hoặc chưa hoàn tất các thủ tục để chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán, theo phương án đã được ĐHĐCD phê duyệt, HĐQT Công ty sẽ huy động vốn vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/1906164/HĐTD ngày 04/12/2024 (gọi chung là “Khoản Vay”) để thanh toán trước khoản nợ thuế phải nộp Nhà nước nêu trên. Sau đó, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để thanh toán theo thứ tự sau đây: (i) các khoản nợ thuế còn lại (nếu có) hoặc các khoản thuế chậm nộp (nếu phát sinh) liên quan đến khoản nợ thuế phải nộp nhà nước tại Mục 2.1 nêu trên và (ii) gốc và/hoặc lãi của Khoản Vay.
- 2.3. Trường hợp tổng số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán lớn hơn 234.000.000.000 đồng, HĐQT Công ty sẽ sử dụng số tiền tăng thêm này để thanh toán (i) các khoản nợ thuế còn lại và/hoặc các khoản thuế chậm nộp (nếu phát sinh) của Công ty liên quan đến Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, Huyện Bình Giang, Hải Dương hoặc/và (ii) gốc và/hoặc lãi của Khoản Vay.
- 2.4. **Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán:**
Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đạt giá trị như dự kiến, Công ty sẽ huy động bổ sung các nguồn vốn khác để thanh toán khoản nợ thuế phải nộp Nhà nước hoặc Khoản Vay nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn các nguồn vốn sau: Vay vốn từ các tổ chức, cá nhân, Phát hành Trái phiếu và Các nguồn vốn khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty
- 2.5. Hội đồng quản trị Công ty tùy tình thực tế có thể quyết định điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán nêu trên một cách linh hoạt, đảm bảo tối đa lợi ích của Công ty và các cổ đông. HĐQT Công ty sẽ báo cáo cổ đông của Công ty về những điều chỉnh/thay đổi liên quan đến phương án sử dụng vốn tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

3. **Phương án đảm bảo đợt chào bán cổ phiếu của Công ty đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**
- 3.1. Theo Văn bản số 6888/UBCK-PTTT ngày 15/10/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của HUDLAND là **49%**. Theo danh sách cổ đông chốt ngày 11/02/2025, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại HUDLAND là **4,23%**.
- 3.2. Để bảo đảm đợt chào bán cổ phiếu của Công ty đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, HĐQT Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:
- Trên cơ sở danh sách cổ đông do VSDC tại ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông có quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, Công ty sẽ xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại thời điểm đó.
 - Trường hợp các cổ đông hiện hữu của Công ty đều thực hiện quyền mua, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại HUDLAND dự kiến sẽ không thay đổi và đợt chào bán cổ phiếu của Công ty quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
 - Trường hợp các cổ đông chuyển nhượng quyền mua: Công ty lưu ý các cổ đông và Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền mua về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại HUDLAND và sẽ phối hợp với VSDC để kiểm soát việc chuyển nhượng quyền mua của các cổ đông trong nước cho các Nhà đầu tư nước ngoài, bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty sau đợt chào bán không vượt quá 49%.
 - Trong quá trình xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có), trên cơ sở số lượng cổ phiếu đã phân phối thực tế cho nhà đầu tư nước ngoài, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương án chào bán tiếp cho các Nhà đầu tư khác phù hợp nhằm bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty sau đợt chào bán không vượt quá 49%.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN
HUDLAND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 377/HUDLAND-KTE

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

V/v: Đính chính thông tin trong Nghị quyết số
304/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 về việc Thông
qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra
công chúng

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
 - Quý cổ đông của Công ty
 - Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND (“Công ty”) xin gửi tới các Quý Cơ quan lời chào trân trọng!

Sau khi rà soát, để đảm bảo nội dung của danh mục hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng được chính xác và rõ ràng, Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đính chính tên của một số tài liệu trong “Danh mục Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND” được đính kèm theo Nghị quyết số 304/NQ-HĐQT do Hội đồng Quản trị Công ty ban hành ngày 28/02/2025 (“**Nghị quyết số 304/NQ-HĐQT**”). Vì vậy, Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng thông báo về việc đính chính Nghị quyết số 304/NQ-HĐQT với các nội dung cụ thể như sau:

STT tài liệu	Tên tài liệu trước khi đính chính	Tên tài liệu sau khi đính chính	Lý do đính chính
5	Nghị quyết Hội đồng quản trị số Nghị quyết số 304/NQ-HĐQT ngày 28/02/2024 về việc thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	Nghị quyết Hội đồng quản trị số Nghị quyết số 304/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 về việc thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	Cập nhật lại ngày ban hành do lỗi đánh máy
8	Văn bản của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội về việc xác nhận thông tin trạng thái tài khoản.	Văn bản của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội về việc xác nhận thông tin trạng thái tài khoản (Theo Văn bản số 3075/BIDV.HN-KHDN1 ngày 17/12/2024, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội xác nhận về tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng khoán của đợt chào bán của HUDLAND)	Làm rõ hơn nội dung của Văn bản

STT tài liệu	Tên tài liệu trước khi đính chính	Tên tài liệu sau khi đính chính	Lý do đính chính
16.7	Các tài liệu khác liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước	Các tài liệu khác liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.	Để phù hợp với các tài liệu trong hồ sơ chào bán

Các nội dung khác trong Nghị quyết số 304/NQ-HĐQT được công bố tại ngày 28/02/2025 không thay đổi.

Trên đây là nội dung đính chính thông tin trong Nghị quyết số 304/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND và được đăng công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND: <http://www.hudland.com.vn/>

Kính mong Quý Cơ quan tạo điều kiện giúp đỡ xem xét và công bố để Hội đồng quản trị Công ty đính chính thông tin.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP;
- Lưu KTE;

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Cao Sơn

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
để tăng vốn điều lệ của Công ty

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT
ĐỘNG SẢN HUDLAND**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND ngày 14/10/2024;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND số 293/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/02/2025;
- Nghị quyết HĐQT số 303/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 thông qua triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ
- Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND số 2079/BB-HĐQT ngày 17/12/2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ của Công ty theo Danh mục chi tiết đính kèm.

Điều 2. Giao/Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị (Người đại diện theo pháp luật của Công ty) hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền thực hiện các thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; ký các văn bản có liên quan để sửa đổi, bổ sung, giải trình hồ sơ và thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình đăng ký chào bán cổ phiếu theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2080/NQ-HĐQT ngày 17/12/2024. Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các Phòng/Ban liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS;
- Lưu VP HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Cao Sơn

**DANH MỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN
HUDLAND**

(đính kèm Nghị quyết số 304/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hudland về việc thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ)

STT	Tên tài liệu
1.	Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
2.	Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
3.	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26/07/2024; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) ngày 14/10/2024; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) số 293/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/02/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND;
4.	Nghị quyết Hội đồng quản trị số 303/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 thông qua triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ
5.	Nghị quyết Hội đồng quản trị số 304/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 về việc thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
6.	Các Báo cáo tài chính của HUDLAND bao gồm: Báo cáo tài chính kiểm toán 2023; Báo cáo tài chính kiểm toán 2024
7.	Các Giấy ủy quyền của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM của người ký các BCTC kiểm toán
8.	Văn bản của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội về việc xác nhận thông tin trạng thái tài khoản (Theo Văn bản số 3075/BIDV.HN-KHDNI ngày 17/12/2024, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội xác nhận về tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng khoán của đợt chào bán của HUDLAND)
9.	Văn bản của Hội đồng quản trị HUDLAND cam kết triển khai niêm yết cổ phiếu;
10.	Văn bản của HUDLAND cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
11.	Hợp đồng dịch vụ tư vấn phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ số 2011/2023/TVTC-BSC/TVPH-HLD ngày 20/11/2023 và các Phụ lục đính kèm giữa HUDLAND và Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV;
12.	Giấy ủy quyền của CTCP Chứng khoán BIDV ủy quyền cho người ký Bản cáo bạch và Hợp đồng dịch vụ tư vấn phát hành cổ phiếu



STT	Tên tài liệu
13.	Giấy ủy quyền của HUDLAND ủy quyền cho người ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn phát hành cổ phiếu
14.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102340326 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/08/2007, cấp thay đổi lần thứ 08 ngày 28/02/2025;
15.	Điều lệ hiện hành của HUDLAND;
16.	Tài liệu liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán
16.1.	Thông báo số 2016/TB-CTHDU ngày 05/03/2024 của Tổng cục thuế - Cục thuế tỉnh Hải Dương thông báo nộp tiền sử dụng đất
16.2.	Thông báo số 7036/TB-CTHDU ngày 09/08/2024 của Tổng cục thuế - Cục thuế tỉnh Hải Dương về tiền sử dụng đất.
16.3.	Quyết định số 8316/QĐ-CCTKV ngày 30/12/2024 của Cục thuế tỉnh Hải Dương – Chi cục thuế KV Cẩm Bình về việc nộp tiền sử dụng đất.
16.4.	Hợp đồng tín dụng số 01/2024/1906164/HĐTD ngày 04/12/2024 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội và HUDLAND về cấp tín dụng đối với Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới tại thôn Phú, xã Thái Học và thôn Nhuận Đông, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, Hải Dương
16.5.	Văn bản số 3359/BIDV.HN-KHDN1 ngày 26/12/2024 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội về Bảo lãnh nộp tiền sử dụng đất
16.6.	Các Giấy ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ủy quyền cho người ký Hợp đồng tín dụng và Văn bản số 3359/BIDV.HN-KHDN1
16.7.	Các tài liệu khác liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND

Tầng 12 toà nhà HUDLAND TOWER, lô ACC7, khu dịch vụ tổng hợp Linh Đàm,

Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0436523862

Fax: 0436523864

Website: hudland.com.vn

Email: hudland@hudland.com.vn

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN
HUDLAND**

(Sửa đổi, bổ sung lần XIII)



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Cao Sơn

HÀ NỘI, NĂM 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND
Tầng 12 toà nhà HUDLAND TOWER, lô ACC7, khu dịch vụ tổng hợp Linh Đàm,
Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 0436523862 Fax: 0436523864

Website: hudland.com.vn

Email: hudland@hudland.com.vn

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN
HUDLAND
(Sửa đổi, bổ sung lần XIII)

* * *

HÀ NỘI, NĂM 2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty

CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài Khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 53. Dấu của Công ty

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THẺ CÔNG TY

Điều 54. Giải thẻ Công ty

Điều 55. Thanh lý

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực 

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, ngày 26 tháng 07 năm 2024.

Điều lệ này được ban hành theo nghị quyết số 4555 /NQ-HĐQT ngày 02 tháng 08 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành Công ty* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
- h) *Người quản lý* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên, Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc/Trưởng các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

- n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. "Công ty" Được hiểu là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND.

**CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

- Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND;
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUDLAND Real Estate Investment and Development Joint Stock Company;
 - Tên Công ty viết tắt: HUDLAND., JSC.
- Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà HUDLAND TOWER, Lô A-CC7 Khu dịch vụ tổng hợp Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
 - Điện thoại: 0243 652 3862;
 - Fax: 0243 652 3864;
 - E-mail: hudland@hudland.com.vn;
 - Website: www.hudland.com.vn;
- Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Luật Doanh nghiệp.
- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;
- b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.
4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định nêu trên.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không còn tư cách theo quy định tại Khoản 4 Điều 27 Điều lệ thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo bảng sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, loại trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng	6810 (chính)
2.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn đầu tư xây dựng nhà và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; - Quản lý dự án các công trình xây dựng	7110
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
5.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
6.	Phá dỡ	4311
7.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Loại trừ dịch vụ nổ mìn	4312
8.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Loại trừ Thực hiện xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư	4663

STT	Tên ngành	Mã ngành
	nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật.	
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Loại trừ Thực hiện xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật	4659
11.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
12.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
13.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
14.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất, máy móc thiết bị chuyên ngành xây dựng; loại trừ Thực hiện xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật	8299
16.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
17.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
18.	Xây dựng nhà để ở	4101
19.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage	9610
20.	Xây dựng nhà không để ở	4102
21.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9321
22.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
23.	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Loại trừ Xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội	4221

STT	Tên ngành	Mã ngành
24.	Xây dựng công trình cấp thoát nước	4222
25.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
26.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
27.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
28.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
29.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
30.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Loại trừ hoạt động đầu giá bán lẻ qua internet và Loại trừ Thực hiện xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật.	4791
31.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
32.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
33.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
34.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Loại trừ hoạt động của các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	9312

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là trở thành một trong những tổ chức đầu tư và phát triển bất động sản hàng đầu Việt Nam với sự duy trì, phát triển đội ngũ nhân lực là hạt nhân, tài sản quý giá nhất của Công ty; Công ty luôn luôn hướng tới sự đảm bảo tăng trưởng ổn định, gia tăng lợi ích cho cổ đông và các nhà đầu tư dựa trên sự tiện nghi, thoải mái và sự hài lòng của khách hàng đối với những sản phẩm mà Công ty cung cấp.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng);

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm:

- Cổ phần phổ thông: **20.000.000** cổ phần;

- Cổ phần ưu đãi: Không có;

Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập như sau:

• **Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và đô thị (HUD):**

- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100106144 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 06 năm 2017.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 28-32, Toà nhà HUDTOWER, Số 37, Lê Văn Lương, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam.

- Số cổ phần sở hữu: 10.200.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ.

• **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Thành Nam (COTANA, JSC):**

- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101482984 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/02/2004, thay đổi lần thứ 17 ngày 19 tháng 9 năm 2017.

- Địa chỉ trụ sở: CC5 Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Số cổ phần sở hữu: 629.400 cổ phần, chiếm 3,15% vốn điều lệ.

• **Công ty TNHH Dệt Hà Nam (Công ty Dệt Hà Nam):**

- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0700101268 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 1996, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 29/12/2016.

- Địa chỉ trụ sở: Vân Sơn, xã Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;

- Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Thông tin của cổ đông sáng lập có thể thay đổi từng thời điểm và được công bố trên trang web Công ty và thông báo lên Ủy ban chứng khoán, Trung tâm lưu ký.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều Khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày, tối đa là 14 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại quy chế, nội quy và quy định khác của Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các Khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các Khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản trị Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc ;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều Khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp quy định tại Khoản 2 Điều này được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều Khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp

Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Vấn đề khác do quy định pháp luật.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp

ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định của pháp luật;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các doanh nghiệp mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh theo điểm h Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử viên không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
b) Có quyết định hoặc văn bản cử người đại diện còn hiệu lực của cổ đông là tổ chức trong trường hợp tham gia Hội đồng quản trị do được cổ đông ủy quyền quản lý vốn đề cử tham gia Hội đồng quản trị.

c) Đáp ứng các tiêu chuẩn khác của pháp luật có liên quan.

d) Riêng chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị còn phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty có 01 thành viên độc lập trong số thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 25 Điều lệ này; hoặc
b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; hoặc
c) Không còn được cổ đông Công ty ủy quyền làm người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn của cổ đông tại Công ty (đối với trường hợp tham gia Hội đồng quản trị do cổ đông ủy quyền quản lý vốn đề cử/giới thiệu); hoặc
d) Bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý theo điểm h Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý theo điểm h Điều 1 Điều lệ này trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một Khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các Khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo Khoản 4 Điều 26 Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý theo điểm h Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác quy định trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. (Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị). Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Nội quy Công ty;
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định của pháp luật.
5. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.

CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các Giám đốc/trưởng các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Phó Giám đốc, Kế toán trưởng với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong phạm vi ủy quyền của đại diện pháp luật;
 - b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án đầu tư/dự án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị/xây dựng và trình phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phương án đầu tư/dự án đầu tư xây dựng của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và quy định tại quy chế quản trị Công ty;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc theo quy chế nội bộ của Công ty;
 - g) Tuyển dụng lao động theo kế hoạch sử dụng lao động được Hội đồng quản trị phê duyệt;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, quy chế nội bộ khác của Công ty, theo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và Phó Giám đốc và Kế toán trưởng cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý Công ty theo điểm h Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng và Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý tại mục h, Điều 1 Điều lệ này cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Phó Giám đốc và kế toán trưởng có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý theo điểm h Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý theo điểm h Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý theo điểm h Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý theo điểm h Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Signature

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và kế toán trưởng và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Phó Giám đốc và kế toán trưởng đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Phó Giám đốc và kế toán trưởng vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và kế toán trưởng, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các Khoản tiền phạt, các Khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua

Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Phó Giám đốc và kế toán trưởng có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu

trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 53. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Công ty sử dụng con dấu tròn, màu mực đỏ. Hội đồng quản trị quyết định số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Việc quản lý và lưu giữ dấu của Công ty thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các Khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các Khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các Khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay Phó Giám đốc và Kế toán trưởng;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một tổ chức có chức năng hòa giải chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều Khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 58 điều, được thông qua việc sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND ngày 26 tháng 07 năm 2024 và được ban hành theo nghị quyết số ~~1515~~ 1515/NQ-HĐQT ngày 02/10/2024 của Hội đồng quản trị công ty.
2. Điều lệ được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. *Handwritten signature*

HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Handwritten signature CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *Handwritten signature*



Phạm Cao Sơn

